TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1400/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Bà Phạm Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1/- Ông Lưu Văn Nhân

2/- Bà Nguyễn Thị Tường Thư

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Nguyên Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Bá Thu Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1061/2018/TLST - HNGĐ ngày 20/9/2018 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 542/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thanh T – sinh năm: 1985

Thường trú**:** 14 đường D, phường G, Thị xã K, tỉnh Gia Lai.

Cư trú: 79 A Đường V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H - sinh năm: 1984

Thường trú: Thôn An Ninh, xã Cổ Thành, Thị xã Chí Linh, tỉnh H Dương.

Cư trú: 61/63 đường L, khu phố P, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình tranh tụng tại Tòa bà Đào Thanh T là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có hỏi cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, Thị xã C, tỉnh Hải Dương. Sau khi lập gia đình bà về làm dâu và sống chung bên gia đình của ông H, theo bà cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà có mâu thuẫn với mẹ chồng, ông H không bảo vệ bà nên hai bên có lời qua tiếng lại dẫn đến xô xát, từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, kể từ tháng 9/2018 bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, hai bên chính thức sống ly thân từ đó, thời gian ly thân không có ai tạo điều kiện để đoàn tụ gia đình. Xét thấy tình cảm thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được khả năng đoàn tụ sẽ không mang lại hạnh phúc nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày 31/3/2015 và Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 08/02/2017. Hiện nay bà đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con bà tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình tranh tụng tại Tòa ông Nguyễn Văn H là bị đơn trình bày: Giai đoạn đi đến hôn nhân đúng như lời trình bày của bà Đào Thanh T. Sau khi lập gia đình đôi bên sống cùng với gia đình của ông, theo ông cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T có những lời lẻ xúc phạm đến mẹ ông, dẫn đến vợ chồng lời qua tiếng lại do nóng giận nên ông có tát bà T, từ đó dẫn đến mâu thuẫn và cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Vào tháng 8/2018 bà T tự ý đưa đứa con gái lớn về Gia Lai sinh sống không được sự đồng ý của ông từ đó dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng cải vã nóng giận ông có đánh bà T, kể từ tháng 9/2018 bà T bỏ về gia đình sinh sống. Tại Tòa ông xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được khả năng đoàn tụ sẽ không mang lại hạnh phúc do đó ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày 31/3/2015 và Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 08/02/2017. Hiện nay bà T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn ông yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày 31/3/2015 và đồng ý giao con chung Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 08/02/2017 cho bà T nuôi dưỡng. Không ai thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà T và ông H xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cả hai giữ yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn.

Về con chung: Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con bà tự nguyện không yêu cầu. Ông H cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày 31/3/2015 và đồng ý giao con chung Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 08/02/2017 cho bà T nuôi dưỡng. Không bên nào pH cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, về tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thụ lý vụ án, ra thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Bà Đào Thanh T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn vào năm 2011 có hỏi cưới và có đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn số: 65 quyển số 01/2011 ngày 29/9/2011 do Uỷ ban nhân dân xã Cổ Thành, Thị xã Chí Linh, tỉnh H Dương cấp là cơ sở xác định hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông H đang sinh sống và cư trú tại phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, bà T là một bên đương sự, có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đào Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà T và ông H tự nguyện kết hôn vào năm 2011, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và hiện tại đôi bên đã sống ly thân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn một phần là do bà T có mâu thuẫn với gia đình ông H nhưng nguyên nhân chính xuất phát từ việc bà T tự ý đưa con về Gia Lai sinh sống không qua ý kiến của ông H và không được ông H

đồng ý, từ đó dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên cả hai đã sống ly thân, thời gian ly thân không có ai tạo điều kiện để đoàn tụ gia đình. Tại Tòa đôi bên cùng xác định quá trình sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cả hai cùng đồng ý thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Cả hai có tranh chấp về việc nuôi con chung sau khi ly hôn. Cụ thể ông H yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày 31/3/2015 và đồng ý giao con chung Nguyễn Ngọc Như Quỳnh, sinh ngày 08/02/2017 cho bà T nuôi dưỡng, không ai thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu ông H pH cấp dưỡng nuôi con.

Xét việc nuôi con là thể hiện trách nhiệm của cha mẹ đối với con chung, tuy nhiên hiện tại cả hai con chung còn quá nhỏ, cháu Hải A là nữ chỉ mới hơn 03 tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ, kể từ sau khi ly thân cho đến nay bà T vẫn nuôi dưỡng và chăm sóc các con tốt, để bảo vệ quyền và lợi ích mọi mặt của người con, tránh sự xáo trộn về mặt tâm lý của các con chung. Hội đồng xét xử xét thấy nên giao hai con chung cho bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, theo yêu cầu của bà T là hợp lý và phù hợp với điều kiện thực tế, vì hiện tại hai con chung đang do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, và hiện nay bà T đã ký hợp đồng thuê nhà sinh sống tại phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức gần nơi cư trú của ông H, khi có điều kiện ông H có thể đến thăm nom chăm sóc, dạy dỗ và giáo dục con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật, điều này cũng phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa nên được chấp nhận.

Yêu cầu của ông H về việc được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một con chung là chưa cần thiết nên không được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và tài sản chung: Cả hai trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 bà Đào Thanh T phải nộp 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022681 ngày 20/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà Đào Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

a-/ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đào Thanh T và ông Nguyễn Văn H

b-/ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày 31/3/2015 và Nguyễn Ngọc Như Q sinh ngày 08/02/2017 cho bà Đào Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

c-/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2-/ Về án phí: Bà Đào Thanh T phải nộp 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022681 ngày 20/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà Đào Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3-/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014";

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q.Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân xã B, Thị xã C, tỉnh Hải Dương;
- Các bên đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**(đã ký)**

**Phạm Thị Thu**